

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2025

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà Võ Thị Ngọc.

2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 197/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Minh NG, sinh năm 1985. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn BH, xã NB, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Ông Mỗ Văn KH, sinh năm 1984. Nơi cư trú: BH, xã NB, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị Minh NG trình bày:***

Bà và ông Mỗ Văn KH tự nguyện tìm hiểu, tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2010; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đức Liễu, huyện B cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông KH luôn gây áp lực, thường xuyên đánh và xúc phạm bà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng làm ăn không thuận lợi, không thống nhất được với

nhau trong công việc làm ăn, không có tiếng nói chung. Ngoài ra ông KH có tính cách cục cằn, chửi bới đánh đập bà và đập phá đồ đạc trong gia đình. Hai bên gia đình cũng không có biện pháp hòa giải. Do mâu thuẫn đã trầm trọng từ lâu và diễn ra trong thời gian dài nên từ khoảng đầu tháng 11/2024 bà và ông KH sống ly thân. Nay bà nhận thấy không thể tiếp tục sống chung, không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông KH.

Bà và ông KH có 02 con chung là Mỗ Thị Tuyết NH, sinh ngày 29/4/2011 và Mỗ Hoàng Gia B, sinh ngày 05/10/2017. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông KH cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng/02 con, kể từ thời điểm Tòa án xét xử hoặc có quyết định công nhận theo quy định. Bà làm nghề giáo viên mầm non, thu nhập một tháng là 13.700.000 đồng, có đủ thời gian và điều kiện nuôi dưỡng con.

Bà và ông KH tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung.

*** Bị đơn ông Mỗ Văn KH quá trình giải quyết vụ án trình bày:** Xác nhận về quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn là đúng. Trong năm 2024 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gia đình, do công việc làm ăn và ứng xử sinh hoạt, từ đó cãi vã và xô xát. Bà NG và các con đã ra ngoài sống riêng. Ông cũng cố gắng liên hệ với bà NG nhưng bị chặn thông tin liên lạc. Nay ông cũng thấy không thể níu kéo nên đề nghị giải quyết theo quy định.

Ông xác nhận có 02 con chung là Mỗ Thị Tuyết NH, sinh ngày 29/4/2011 và Mỗ Hoàng Gia B, sinh ngày 05/10/2017. Ông cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con nhưng ông tôn trọng nguyện vọng con về lựa chọn người trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp các con ở với bà NG thì ông đồng ý cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi thành niên. Ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án:** Việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn và bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị Minh NG: Hội đồng xét xử nhận thấy bà NG và ông KH tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐL cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01 ngày 10/5/2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hôn nhân là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân & gia đình năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010. Hiện nay là Điều 9 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn: Các bên thừa nhận trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không thống nhất được với nhau trong các công việc gia đình và liên quan đến kinh tế, từ đó xảy ra cãi vã, xô xát. Từ khoảng cuối năm 2023 các bên đã sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng các bên không tham gia hòa giải, phía bà NG cương quyết chấm dứt hôn nhân, phía ông KH không có biện pháp hàn gắn và đề nghị giải quyết theo yêu cầu của bà NG.

Như vậy, có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

[2] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai các đương sự, ý kiến con chưa thành niên thể hiện có 02 con chung là Mỗ Thị Tuyết NH, sinh ngày 29/4/2011 và Mỗ Hoàng Gia B, sinh ngày 05/10/2017.

Quá trình giải quyết bà NG có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con, ông KH cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung nhưng để con chung tự quyết định lựa chọn người nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy kể từ thời điểm sống ly thân (cuối năm 2023) cho đến nay thì các con chung ở với bà NG. Các con chung đều có nguyện vọng ở với bà NG. Vì vậy, cần thiết giao các con chung cho bà NG nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà NG yêu cầu ông KH cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng/02 con; ông KH cũng đồng ý trong trường hợp các con ở với bà NG. Xét thấy, các bên không tranh chấp mức cấp dưỡng nuôi con con, mức cấp dưỡng là phù hợp với tình hình sinh hoạt tại địa phương nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Các bên có quyền thăm mom con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị Minh NG đối với bị đơn Mỗ Văn KH; Bà Hoàng Thị Minh NG được ly hôn với ông Mỗ Văn KH.

2. Về con chung: Giao các con chung Mỗ Thị Tuyết NH, sinh ngày 29/4/2011 và Mỗ Hoàng Gia B, sinh ngày 05/10/2017 cho bà Hoàng Thị Minh NG trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Mỗ Văn KH phải cấp dưỡng cho các con chung Mỗ Thị Tuyết NH, sinh ngày 29/4/2011 và Mỗ Hoàng Gia B, sinh ngày 05/10/2017 tổng cộng mỗi tháng 5.000.000 đồng/02 con cho đến khi thành niên, bắt đầu từ ngày xét xử sơ thẩm (18/4/2025).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Hoàng Thị Minh NG phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009478 ngày 21/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn ông Mỗ Văn KH phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã đL;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình

